**Ngày soạn:**

**Ngày giảng:**

**Bài 15- Tiết 46-47-48**

**LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Củng cố cách làm một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.

**2. Về năng lực:**

- Biết thuyết minh một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) ở ngôi thứ nhất.

- Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.

- Biết tập trung vào diễn biến sự việc đã xảy ra.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Hệ thống kiến thức và bài tập

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung kiến thức** |
| GV: Em hãy nhắc lại khái niệm văn bản thuyết minh?  HS trả lời  **GV bổ sung:** Văn thuyết minh khác các loại văn bản khác chủ yếu ở tính chất thuyết minh, giới thiệu. Văn Thuyết minh không nặng về kể chuyện như văn Tự sự, không miêu tả chi tiết, tỉ mỉ như văn miêu tả, không biểu cảm mạnh mẽ như văn biểu cảm, cũng không lập luận như văn Nghị luận. Văn Thuyết minh trình bày, giải thích, giới thiệu khách quan, xác thực, rõ ràng về đối tượng cần thuyết minh.)  GV giới thiệu đặc điểm của văn bản thuyết minh.  GV:? Em đã được học mấy phương pháp thuyết minh? Đó là những phương pháp nào?  HS trả lời: Có 6 phương pháp thuyết minh: PP nêu định nghĩa, giải thích, PP liệt kê, Pp nêu ví dụ, PP dùng số liệu, PP so sánh, PP phân loại, phân tích.  **GV nhấn mạnh:** Phương pháp thuyết minh là cách thức người viết sử dụng trong bài văn thuyết minh. Khi làm bài văn thuyết minh, cần biết vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh để bài làm có sức thuyết phục và sâu sắc hơn. | **I. Khái niệm văn bản thuyết minh**  Văn bản thuyết minh là văn bản thông dụng dùng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,… của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.  **II. Đặc điểm của văn thuyết minh:**  - Tính khách quan, chính xác, mang lại lợi ích cho con người phục vụ công việc và cuộc sống tốt nhất  - Trình bày văn bản rõ ràng, mạch lạc, đủ nội dung đúng ý, kết cấu phân chia rõ  - Người viết am hiểu về nội dung mình đang viết tới để trình bày đúng, đủ ý, truyền đạt cho những người đọc hiểu và sử dụng có ích.  **III. Các phương pháp thuyết minh**  Có 6 phương pháp thuyết minh:  **1. PP nêu định nghĩa, giải thích.**  Mô hình : A là B  + A : đối tượng cần thuyết minh.  + B: tri thức về đối tượng.  + Là: từ thường được dùng trong phương pháp định nghĩa  **2. PP liệt kê.**  + PP liệt kê là: kể ra lần lượt các đặc điểm, tính chất…của sự vật theo một trình tự nào đó.  + Vai trò: Giúp người đọc hiểu sâu sắc, toàn diện và có ấn tượng về nội dung được thuyết minh.  **3. PP nêu ví dụ.**  + PP nêu ví dụ là: Dẫn ra những ví dụ cụ thể để người đọc tin vào nội dung thuyết minh.  + Vai trò: Các ví dụ có thể có tác dụng thuyết phục người đọc, khiến người đọc tin.  **4. PP dùng số liệu.**  + PP dùng số liệu là: Dùng các số liệu chính xác để khẳng định độ tin cậy cao của các tri thức được cung cấp.  + Tác dụng: làm cho người đọc tin vào nội dung thuyết minh.  **5. PP so sánh.**  + PP so sánh là: đối chiếu hai đối tượng cùng loại nhằm làm nổi bật các đặc điểm, tính chất của đối tượng cần thuyết minh.  + Vai trò: làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh  **6. PP phân loại, phân tích.**  + PP phân tích là chia nhỏ đối tượng ra để xem xét, còn phân loại là chia đối tượng vốn có nhiếu cá thể thành từng loại theo tiêu chí.  + Tác dụng: Giúp cho người đọc hiểu dần từng mặt của đối tượng một cách có hệ thống, cơ sở để hiểu đối tượng một cách đầy đủ, toàn diện.  **IV. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa)**  - Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp (Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng “tôi” hoặc “chúng tôi”)  - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh ( không gian và thời gian)  - Thuật lại được điễn biến chính, sắp xếp các trình tự theo một trình tự hợp lí.  - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút dược sự chú ý của người đọc.  - Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.  **V. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  + Hãy nhớ lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa) mà em trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu, quan sát được qua các phương tiện thông tin.  + Có thể chọn một số đề tài sau: Hội chợ sách, hội chợ xuân ở thành phố, làng quê của em, lễ hội dân gian, hội khỏe phù đổng ở trường hoặc địa phương em.  **b) Tìm ý**  Sau khi lựa chọn được sự kiện định tường thuật. Hãy tìm ý cho bài viết bằng một số hoạt động sau:   |  | | --- | | Sự kiện gì? | | Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ? | | Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu? | | Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì? | | Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào? | | Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia vể sự kiện là gì? |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện).  - *Thân bài*: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian  + Những nhân vật tham gia sự kiện.  + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất  - *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết   * **2. Viết bài** * **3. Chỉnh sửa bài viết** * **VI.Luyện tập** |

**Đề bài 1**: **Em hãy thuyết minh về một lễ hội/một sự kiện văn hóa để lại trong em nhiều ấn tượng đẹp đẽ nhất.**

- GV tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:*Em biết những ngày lễ lớn nào ở nước ta ? Trong những ngày lễ đó thì ngày nào thường được tổ chức thành lễ hội? Em hãy nêu tên lễ hội đó? Lễ hội đó thường diễn ra ở ở đâu? Vào thời điểm nào? Diễn ra như thế nào?*

**Dàn ý thuyết minh về lễ hội đền Hùng**

*Lễ hội đền Hùng là lễ hội truyền thống lớn nhất của dân tộc Việt Nam, để ghi nhớ công ơn dựng nước của 18 vị vua Hùng.*

**I. Mở bài:**

-      Giới thiệu về lễ hội đền Hùng, dẫn dắt vào đề bài.

-      Hướng dẫn làm bài Cứ hàng năm, những người con dân tộc Việt luôn hướng về quê hương Phú Thọ thân yêu dịp 10/3 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của các vua Hùng khi có công to lớn trong việc dựng nước và giữ nước từ hàng nghìn năm trước. Đây cũng là dịp mà lễ hội Đền Hùng- một trong những lễ hội lớn nhất của nước ta diễn ra và dù có đi đâu, ở đâu

con cháu Việt Nam đều muốn đến đây để thể hiện lòng biết ơn của mình.

**II. Thân bài:**

***1. Lịch sử lễ hội***

-       Đây là lễ hội đã có từ lâu đời

-       Từ thời Đinh, Lý, Tiền Lê, thời Trần, người dân cả nước đều tụ hội về đây lễ bái gửi lòng cảm tạ thành kính đến công ơn của mười tám đời vua Hùng.

-      Thời gian diễn ra mồng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm

      + Năm lẻ: Lễ hội được tổ chức bởi tỉnh Phú Thọ

      + Năm chẵn: Trung ương phối hợp với ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và bộ văn hóa tổ chức

***2. Quy mô***

-      Đây được xem là quốc lễ vì vậy có quy mô cực kỳ lớn.

***3. Hình thức***

-     Về phần lễ:

      + Bao gồm lễ rước kiệu và lễ dâng hương

      + Lễ rước kiệu được diễn ra trong không khí đầy long trọng với cờ, lộng, hoa đầy màu sắc.

      + Đoàn đại biểu trung ương, tỉnh và thành phố tập trung tại một địa điểm cùng đoàn xã tiểu binh rước hoa long trọng tới chân núi Hùng.

+ Sau khi rước hoa đến đền, đoàn người kính cẩn dâng lễ vào thượng cung

+ Đại biểu đại diện bộ Văn hoá thay mặt cho lãnh đạo tỉnh và nhân dân cả nước trịnh trọng đọc chúc căn lễ tổ.

+ Lễ dâng hương là nghi thức mà mỗi người con đều mong muốn thắp lên đền thờ nén nhang thành kính, nhờ hương khói nói hộ tâm nguyện của lòng mình với tổ tiên.

Về phần hội:

      + Các trò chơi dân gian được diễn ra nhiều chọi gà, đu quay, đấu vật.

      + Dân ca diễn xướng, hát quan họ hay kịch nói được thi tài giữa các làng, các thôn.

**III. Kết bài**

-      Khái quát lại về lễ hội đền Hùng

-      Nếu cảm nghĩ của em về lễ hội

-      Hướng dẫn làm bài Lễ hội đền Hùng là một lễ hội lớn, là một trong những nét đẹp truyền thống của dân tộc ta, niềm tự hào với nguồn gốc con rồng cháu tiên. Đây cũng là một cơ hội để chúng ta bày tỏ lòng thành kính biết ơn đối với công lao của 18 đời vua Hùng. Chúng ta- những thế hệ sau phài có trách nhiệm gìn giữ nét đẹp truyền thống này, gìn giữ cội nguồn của chúng ta.

**Đề bài 2: Thuyết minh về lễ hội Gióng**

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**I. MỞ BÀI**

- Một lễ hội tôn giáo của làng Phù Đổng.

- Nét đẹp truyền thống của người dân nước Nam.

**II. THÂN BÀI**

**1. Nguồn gốc, xuất xứ**

Xuất phát từ truyền thuyết Thánh Gióng.

**2. Đặc điểm**

- Hội làng Phù Đổng hàng năm diễn ra ngày 9 tháng Tư âm lịch.

- Các làng trong tổng đều đến tế, tất cả đến trăm người của họ các làng mặc áo thụng xanh, đội mũ đen, đi hia đề trắng. Họ đứng thành hàng hai bên, tay cầm hốt ngả.

- Chủ tế đi từng bước nhịp nhàng hai tay chấp lại nâng cao chén rượu, có hai trợ tế đi theo, đến quỳ trước một trong các cửa của hậu cung.

-Nhạc hạ thấp dần gần như không nghe thấy nữa. Bỗng vang lên một tiếng ầm ầm và hai cánh cửa hậu cung bỗng nhiên hé mở ra. Bên trong tối om, bỗng hiện ra một nhân vật lạ lùng. Đầu chít một khăn đen dài bỏ xõa ra sau lưng, và quan lấy thân mình; nửa dưới mặt bịt vải vàng, thắt lại sau gáy chỉ để lộ đôi mắt.

- Nhân vật này đi ra quỳ xuống ngưỡng cửa hậu cung, nhận chén rượu trên một cái mâm đồng, rồi đi giật lùi dần vào hậu cung.

- Hai cánh cửa đóng lại từ từ. Mọi người phủ phục xuống lễ.

- Một giây yên lặng rồi nghe một tiếng chuông từ hậu cung vẳng ra. rượu đã dâng lên bàn thờ Thánh rồi, và nhạc lại cử, trong khi mọi người trở về chỗ chuẩn bị dâng lễ khác tiếp theo.

- Lễ cử hành nghiêm trang thành kính.

- Thật ngạc nhiên khi thấy những người nông thôn bình thường đã biến đổi lạ lùng vì tính cách long trọng của nghi thức. Vì cử chỉ của họ thường rụt rè bỗng đường hoàng khoáng đạt lên, thái độ của họ thường khúm núm, e dè bỗng trở thành cao quý trong khi hành lễ vì lòng biết ơn của người yêu nước.

- Tiếp đó là một nghi thức ảnh hưởng của Đạo giáo; con hổ tượng trưng cho điều ác và kẻ thù đến xin quy phục Đức Thánh.

Người đóng vai con hổ mặc áo vài vẽ vằn vện, đội cái đầu bằng giấy bồi có hai chục người hóa trang di theo, hát và gõ sênh. Hổ đến trước bàn thờ múa và phù phục hồi lâu...

- Tiếp theo là những cảnh diễn lại lịch :sử đánh trận giả, và đoàn tù binh diễu qua trước đền.

- Một trăm trai tráng đón quân Nam họ quấn vai màu đen quanh bụng, đóng khố bỏ thõng múi ra phía trước, cởi trần, chỉ khoác một dải vải hồng trên vai bên phải, buộc hai đâu lại ở bên sườn trái và buông thõng xuống; lại còn đeo cái túi lụa nhỏ hình bán nguyệt, có tua lụa dài. Đầu đội mũ đen, phía sau có rèm che gáy giống như là những tượng trong đền Lý Bát Đềở Đình Bảng.

- Bọn tướng giặc thì do hai mươi bốn cô gái đồng trinh đóng.

- Nhiều cô gái trong đám ấy đến mười tuổi. Mỗi cô đều mặc quần áo lụa màu sắc tươi thắm, đeo kiềng, hoa tai bằng vàng, mỗi làng được cử đến một cô và phải lo may mặc cho người của mình.

- Các cô chỉ đứng mỗi người trên một cái bệ hoàn toàn im lặng, không cử động, cách nhau độ 10 đến 15m; quanh họ là đám đàn bà làng họ.

- Hai mươi bốn cô xếp thành hàng trên mặt để phía trước đền rải dải đề cho đám rước diễu qua trước mặt.

- Bốn cô khác đóng vai bốn tướng giặc bị giết trong trận, một cô mặc áo vàng, đội mũ thái tử đóng vai con vua Trung Quốc.

- Một trăm quân sĩ nước Nam múa rất nhiều điệu thật dẻo và thật nhịp nhàng tiến thoái rất đẹp...

**3. Lễ hội nhắc nhở con cháu nhớ về người anh hùng dân tộc: Thánh Gióng.**

- Khơi gợi trong lòng con cháu Việt Nam lòng yêu nước và lòng biết ơn sâu sắc.

**III. KẾT BÀI**

Lễ hội Gióng là một trong những lễ hội truyền thống cần phải gìn giữ và phát huy.

**IV. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:**

- Học bài

- Hoàn thiện các bài tập

- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: **Ôn tập Thạch Sanh; Cây khế**

**V. Rút kinh nghiệm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Ngày soạn:**

**Ngày giảng: Tiết 22**

**ÔN TẬP THẠCH SANH; CÂY KHẾ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- HS nêu được ấn tượng chung về 2 VB.

- HS xác định được chủ đề của câu chuyện.

- HS tóm tắt được câu chuyện.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện,...

- HS biết nhận xét, đánh giá vế bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dần gian gửi gắm.

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện,...

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của nhân vật Thạch Sanh; mẹ con Lý Thông, rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thạch Sanh*; *Cây khế.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thạch Sanh*; *Cây khế.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích Thạch Sanh với các truyện cùng chủ đề.

**3. Về phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt, sống vị tha và yêu thương con người.

- Biết ghét cái ác, yêu cái thiện, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Trung thực, khiêm tốn, lòng biết ơn,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Hệ thống kiến thức và bài tập

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung kiến thức** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức**  **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức**  **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức cơ bản về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức**  **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI**  **1. Truyện cổ tích**  Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận va cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thề hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.  **2. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích**  - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thề hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ.  - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).  - Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.  - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thề hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đồi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện.  **3. So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:**  **- Giống nhau :**  + Đều là truyện dân gian.  + Đều có yếu tố hoang đường kì ảo.  **- Khác nhau:**  + Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử.  + Cổ tích kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật.  + Truyền thuyết sử dụng yếu tố kì ảo nhằm mục đích thiêng liêng hoá nhân vật, sự kiện.  + Cổ tích sử dụng yếu tố hoang đường để gửi gắm ước mơ công lí . . .  **II. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**  **a. Thể loại:** Truyện cổ tích.  **b. Kiểu nhân vật:**  Truyện Thạch Sanh kể về kiểu nhân vật dũng sĩ.  **c.Tóm tắt**  **Khi tóm tắt cần dảm bảo các sự việc chính:**  - Thạch Sanh ra đời  - Thạch Sanh lớn lên học võ và phép thần thông  - Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông  - Mẹ con LT lừa TS đi chết thay cho mình.  - Thạch Sanh diệt chằn tinh bị LT cướp công.  - TS diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị cướp công.  - TS diệt hồ tinh, cứu thái tử, bị vu oan vào tù.  - TS được giải oan lấy công chúa.  - TS chiến thắng quân 18 nước chư hầu.  -TS lấy công chúa và lên ngôi vua.  **d. Bố cục.**  **-** Gồm 3 phần .  **+** Phần 1 : Từ đầu .....“thần thông”: Giới thiệu lai lịch nguồn gốc Thạch Sanh.  + Phần 2 : Tiếp …đến “hoá kiếp bọ hung” : những chiến công của Thạch Sanh.  + Phần 3 : Còn lại : Thạch Sanh lấy công chúa và lên ngôi vua.  **e. Phương thức biểu đạt:** tự sự  **f. Ngôi kể**: ngôi thứ 3  **g. Nội dung – Ý nghĩa**  - Truyện kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người bị hại vạch mặt kẻ vong ân, chống quân xâm lược  - Truyện thể hiện ước mơ của, niềm tin về đạo đức công lý xã hội…  **h. Nghệ thuật.**  - Nhiều chi tiết tưởng tượng thần kỳ độc đáo và giàu ý nghĩa.  **III. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**  **1. Xuất thân, ý nghĩa các chi tiết kì ảo:**  ***a. Xuất thân:***  - Chàng trai nhà nghèo, sống trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa, hằng ngày lên rừng đốn củi kiếm ăn.  - Sống lủi thủi một mình (mồ côi, không người thân thích).  => Cất lên tiếng nói ước mơ đổi thay số phận.  ***b. Ý nghĩa các chi tiết kì ảo:***   |  |  | | --- | --- | | **Con vật** | | | - Chằn tinh:  - Đại bàng: | - Một yêu quái khổng lồ, có sức mạnh ghê gớm, lại biết tàng hình, lắm phép lạ, người đời khiếp sợ, vua quan chịu bó tay.  - Ở hang sâu bí mật, có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm, quắp công chúa đi trước mặt bá quan văn võ và các anh tài trong thiên hạ.  => Đại diện cho cái ác, gieo rắc nỗi kinh hoàng và gây tai họa cho người dân, đồng thời giúp Thạch Sanh thể hiện phẩm chất của người dũng sĩ. | | **Đồ vật** | | | - Cây đàn:  - Niêu cơm: | - Là nhạc cụ đồng thời là vũ khí.  → Đại diện cho tình  yêu, công lí, nhân đạo, hoà bình.  - Hàng vạn người ăn mãi không hết.  → Lòng nhân đạo, đoàn kết, hòa bình.  => Góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu của truyện. |   **3. Đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông:**   |  |  | | --- | --- | | **Thạch Sanh** | **Lý Thông** | | - Giết chằn tinh.  - Diệt đại bàng  - Cứu thái tử con vua thủy tề.  - Gảy đàn trong ngục giam.  - Vạch mặt mẹ con Lý Thông, tha tội chết cho họ, cưới công chúa.  - Dùng cây đàn để đánh đuổi quân xâm lược.  - Ban niêu cơm thần.  - Nối ngôi vua.  → Thật thà, nhân hậu, dũng cảm, không màng vật chất; đại diện cho chính nghĩa, lương thiện | - Lừa Thạch Sanh đi canh miếu thờ, cướp công.  - Nhờ Thạch Sanh tìm hang ổ đại bàng, ám hại, cướp công.  - Về quê, bị sét đánh, bị biến thành bọ hung.  → Độc ác, mưu mô, xảo quyệt, tham lam, vong ân bội nghĩa | | /cách sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo; kết thúc có hậu/  => Ước mơ, niềm tin vào đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, hòa bình của nhân dân.  **B. VĂN BẢN CÂY KHẾ**  **I. KIẾN THỨC CHUNG:**  ***1. Cốt truyện:***  - Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.  - Cây khế có quả, chim đến ăn, người anh phàn nàn, chim hẹn trả ơn.  - Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ đó người em trở nên giàu có.  - Người anh biết chuyện, đổi gia tài lấy cây khế, người em bằng lòng.  - Chim lại đến ăn, rồi lại chở người anh ra đảo.  - Người anh may túi quá to nên chim không bay nổi, người anh bị rơi xuống biển chết.  ***2. Thời gian và không gian trần thuật:***  *- Thời gian: ngày xửa ngày xưa*  *- Không gian: ở một nhà kia*  *→ Không gian, thời gian phiếm chỉ.*  ***3. Nhân vật:***  *- Người em: kiểu nhân vật bất hạnh.*  *- Chim phượng hoàng: nhân vật là loài vật kì ảo (đại diện cho lực lượng siêu nhiên bảo vệ những điều tốt đẹp).*  ***4. Bố cục:*** 3 phần  - P1: Từ đầu ->*không đi lại với em nữa*: giới thiệu về hai anh em và việc chia gia tài.  - P2: Tiếp theo ->*đâm bổ xuống biển:* Cuộc sống của hai anh em khi ra ở riêng.  - P3: Còn lại: Kết thúc truyện.  ***5. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Truyện kể về người anh tham lam, độc ác đã phải trả giá và người em chăm chỉ, hiền lành, lương thiện đã được đền đáp xứng đáng.  \* *Ý nghĩa*: Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác.  ***6. Nghệ thuật***  - Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện.  - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.  **II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:**  **1. Ý nghĩa chi tiết kì ảo:**  - Chim thần: biết nói tiếng người, biết chỗ cất giấu của cải.  → Con vật kì ảo nằm trong danh sách lực lượng thần kì của thế giới cổ tích; xuất hiện nhằm tạo ra những điều kì diệu; thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt hoặc trừng phạt nhân vật xấu.  - Câu nói của con chim lớn: *Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng*  → Câu nói có vần, dễ thuộc, dễ nhớ. Ngày nay câu ăn một quả, trả cục vàng hay ăn khế, trả vàng cũng thường được nhân dân dùng để chỉ một việc làm được trả công hậu hĩnh, có kết quả tốt đẹp.  - Không gian kì ảo (đảo xa):  + Đặc điểm: chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả, ra tới giữa biển.  + Giúp người em có cuộc sống giàu có.  → Nhấn mạnh ý nghĩa của không gian kì ảo cùng rất nhiều bất ngờ mà không gian kì ảo đó mang lại cho nhân vật trong thế giới cổ tích.  **2. Nhân vật người anh, người em và bài học từ truyện:**  **a. Hai nhân vật:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật  Đối lập | Người anh | Người em | | Hành động | - Chiếm hết tài sản.  - Nịnh nọt người em đổi hết tài sản lấy cây khế.  - May túi 12 gang.  - Cố vơ vét hết vàng trên đảo. | - Thương anh, biết phận mình nên không đòi hỏi.  - Chăm sóc cây khế.  - May túi ba gang, lấy vàng trên đảo.  - Sẵn sàng chia sẻ cây khế với anh. | | Kết cục | Bị rơi xuống biển, “tham thì thâm” | Sống sung túc, “ở hiền gặp lành” | | Nhận xét | Ích kỷ, keo kiệt, tham lam, vô ơn, sống không có tình nghĩa. | Tốt bụng, thật thà, lương thiện, biết ơn, giàu tình nghĩa |   **b. Bài học:**  - Không tham lam, biết vừa đủ.  - Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa.  - Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau.  - Trung thực, chăm chỉ, hiểu được ý nghĩa của lao động chân chính.  **C.LUYỆN TẬP** | | |

**Bài tập 1:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

“*Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một cái lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng đã sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.”*

***(Trích Ngữ văn 6, tập 2)***

**Câu 1:** Đoạn trích trên nói về nội dung gì?

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

**Câu 3:** Tìm cụm danh từ có trong đoạn trích trên?

**Hướng dẫn làm bài:**

**Câu 1:** Đoạn trích giới thiệu lai lịch của Thạch Sanh.

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên là tự sự.

Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi, dũng sĩ.

**Câu 3:** Cụm danh từ: *một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài, một lưỡi búa của cha để lại, các môn võ nghệ, mọi phép thần thông.*

**Bài tập 2:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*“…Năm ấy, đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:*

*- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.*

*Thạch Sanh thật thà nhận lời đi ngay…”*

(Thạch Sanh - Ngữ văn 6)

**Câu 1:** Truyện Thạch Sanh thuộc thể loại truyện dân gian nào? Hãy trình bày đặc điểm của thể loại truyện đó.

**Câu 2:** Đoạn trích trên giúp em nhận ra được tính cách gì của Thạch Sanh và Lý Thông?

**Câu 3:** Đặt 1 câu với danh từ tìm được trong đoạn trích trên.

**Câu 4:** Hãy viết đoạn văn ngắn (4 - 6 câu) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Thạch Sanh, trong đó có sử dụng số từ (gạch chân dưới số từ đó).

**Hướng dẫn làm bài:**

**Câu 1:**

- Truyện Thạch Sanh thuộc thể loại truyện cổ tích.

- Đặc điểm của thể loại truyện đó:

+ Truyện kể về cuộc đời một số kiểu nhân vật: nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật là động vật…

+ Truyện có yếu tố hoang đường kì ảo, thể hiện ước mơ của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

**Câu 2:** Tính cách của nhân vật Thạch Sanh, tính cách của Lý Thông:

- Thạch Sanh: thật thà, tốt bụng.

- Lý Thông: gian xảo, mưu mô.

**Câu 3:** Học sinh đặt 1 câu với danh từ có trong đoạn trích.

**Câu 4:**Đoạn văn cảm thụ văn bản đảm bảo được các ý sau:

- Giới thiệu về Thạch Sanh.

- Ngoại hình, chiến công của Thạch Sanh.

- Cảm nhận của em: yêu mến và khâm phục chàng dũng sĩ tài đức vẹn toàn.

- Có sử dụng số từ và gạch chân dưới số từ ấy.

**Bài tập 3:**

**Hình tượng con chim trong Cây khế có ý nghĩa gì?**

**Hướng dẫn làm bài:**

Con chim trong **Cây khế** là con vật kì ảo, khác thường: hình dáng to lớn, đẹp đẽ; sức mạnh phi thường ( có thể chở được con người trên lưng ); biết nói tiếng người, lại là những lời có vần điệu dễ nghe; biết trọng sức lao động của con người ( ăn khế thì trả vàng); biết giữ lời hứa ( ngày hôm sau quay lại đưa chủ của cây khế đi lấy vàng); biết nơi đảo xa có vàng bạc, kim cương để đưa người đến lấy. Hình tượng này là sáng tạo độc đáo của người dân lao động. Nhân dân gửi gắm ước mơ có một lực lượng siêu nhiên để thực thi công lí: giúp đỡ, ban tặng cho những người yếu thế, hiền lành, tốt bụng; trừng phạt những kẻ xấu xa, độc ác. Qua hình tượng con chim, nhân dân lao động cũng thể hiện tinh thần lạc quan, tin tưởng rằng những người tốt sẽ được sung sướng, hạnh phúc.

**Bài tập 4:**

Trong truyện **Cây khế** hai anh em có nguồn gốc xuất thân, hoàn cảnh gặp gỡ con chim giống nhau nhưng cách ứng xử, hành động khác nhau; dẫn đến kết cục trái ngược nhau. Kiểu kết cấu kể chuyện như vậy có ý nghĩa gì?

**Hướng dẫn làm bài:**

Trước hết, kết cấu này làm cho sự đối lập về phẩm chất của hai nhân vật trở nên rõ ràng hơn, như trắng với đen, như sáng với tối. Thứ 2, kết cấu này khẳng định kết cục số phận của mỗi người do chính cách lựa chọn xử sự, hành động của họ, mà sâu xa là do bản chất, tính cách con người quyết định. Thử tưởng tượng, nếu người anh cũng may túi ba gang và lấy đủ phần của cải vừa trong túi thì sẽ không phải chịu kết cục bi thảm. Người anh phải gánh chịu hậu quả do chính anh ta gây ra.

**IV. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:**

- Học bài

- Hoàn thiện các bài tập

- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: **Thực hành Tiếng Việt**

**V. Rút kinh nghiệm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………